

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-5-2022.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Nương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mai Trần Phúc.

Ông Nguyễn Văn Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thụy Hải Yến – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1990; (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp L C, xã Long K, huyện B C, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994; (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp Tam H, xã Thái B, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đến ngày 31/01/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long K, huyện B C, tỉnh Tây Ninh. Từ ngày đăng ký kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh

phúc. Đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không quan tâm đến nhau. Khoảng tháng 10/2021 vợ anh H và mẹ vợ anh đến Công an xã N Đ nơi anh làm việc chửi anh. Chị H còn đánh anh nên anh có lấy tay ra đỡ, hai bên xảy ra xô xát nên chị H có làm rơi điện thoại xuống bị bể, bản thân anh hoàn T không có đập điện thoại của chị H. Ngoài ra, mẹ vợ anh và vợ anh còn đi thưa anh ra Công an xã N Đ và Công an huyện C T cho rằng anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và lấy tiền vàng của vợ anh. Nhưng anh hoàn T không có quan hệ bất chính với bất kỳ người phụ nữ nào khác, anh cũng không lấy số tiền nào cả. Chỉ vì mâu thuẫn không sống bên vợ được nên anh có về nhà ba mẹ ruột tại xã Long K, huyện B C, tỉnh Tây Ninh sống. Vợ chồng anh ly thân tháng 10/2021 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 người con chung tên Nguyễn T T1, sinh ngày 10/10/2018. Anh yêu cầu giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đã làm đơn xin nghỉ việc, không có việc làm ổn định, không có tiền cấp dưỡng nuôi con, anh làm được bao nhiêu anh sẽ cấp dưỡng bấy nhiêu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh T chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đến ngày 31/01/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long K, huyện B C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến ngày 18/9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ tháng 5/2021 khi anh T tham gia đoàn Công an đi làm căn cước công dân cho người dân hết tất cả các xã của huyện C T. Thời gian đầu anh T thường xuyên đi sớm về khuya, lơ là, bỏ bê vợ con. Chị điện thoại thì anh T thường cáu gắt để chị không điện thoại cho anh T. Đến ngày 18/9/2021 thì chị đi theo xe của anh T, do trên xe có gắn thiết bị định vị tới nhà chị Phạm Thị P A, sinh năm 1999, tại: ấp A H, xã A B, huyện C T, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, chị có gặp ông bà ngoại của P A và được ông bà nói anh T đến nhà P A ăn uống, làm mọi việc lớn nhỏ như cháu rể, có xe của anh T ở nhà P A. Khi anh T có xuống nhà P A để lấy xe, mẹ chị có giữ nón bảo hiểm của anh T và chìa khóa xe nên anh T không chạy được mà bạn anh T kè xe về. Trong thời gian chỉ thị 16 của Chính phủ 28 ngày nghỉ thì anh T không về nhà, thường xuyên xuống nhà P A. Các đợt trực chốt cách ly còn lại anh T vẫn bỏ trực cả ngày xuống nhà P A, chị biết do có xem trên định vị. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 10/2021 cho đến

nay, anh T không về nhà thăm con cũng không hỏi thăm con, không gửi tiền về nuôi con hay thuốc men cho con. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi chính quyền địa phương không biết chỉ khi mẹ tôi đưa đơn tố cáo lên Công an xã N Đ, anh T đánh và đập điện thoại tôi tại xã. Mâu thuẫn của vợ chồng tôi là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đồng ý ly hôn với anh T.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 10/10/2018. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 triệu đồng cho đến khi con chị đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Trước đây chị có khởi kiện chia tài sản chung, tuy nhiên nay chị xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T với chị Nguyễn Thị H. Anh T và chị H được ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 10/10/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho mỗi tháng 1.500.000 đồng, do chị H nhận. Ghi nhận tài sản chung, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đến ngày 31/01/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long K, huyện B C, tỉnh Tây Ninh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2]. Về mâu thuẫn của vợ chồng: Tại phiên tòa anh T và chị H thuận tình ly hôn nên ghi nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh T và chị H có 01 người con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày 10/10/2018. Anh T yêu cầu giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con vì không có thu nhập ổn định.

Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung Nguyễn Toàn T1 từ khi sinh ra và lớn lên sống chung với anh T và chị H tại địa chỉ: Tổ 3, ấp Tam Hạp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H có cư trú ổn định và thu nhập ổn định bảo đảm cuộc sống và quyền lợi về mọi mặt cho con, nên căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu T1 cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Tuy nhiên hiện nay cháu T1 còn rất nhỏ nên anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng phụ chị H nuôi cháu T1 với mức sinh hoạt tối thiểu 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung: Chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 2 chỉ vàng SJC và 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H rút toàn bộ đơn khởi kiện chia tài sản nên đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị.

[5]. Về nợ chung: Anh T, chị H trình bày không nợ ai nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Do anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 107; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Toàn T1, sinh ngày

10/10/2018. Anh T phải cấp dưỡng cho chị H nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ 01/6/2022 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị Nguyễn Thị H;

4. Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016966 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Đức T còn phải nộp thêm số tiền 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 582.500 đồng (Năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0017111 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành hoàn trả cho chị H số tiền án phí còn lại là 432.500 đồng.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Thị Kim Nương**